

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án thành phần: Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và
tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Hiệp định tài trợ tín dụng số 6079-VIE, ký ngày 03/8/2018 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB) về dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 của Thủ tướng

Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” (FMCR);

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện dự án thành phần “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ công văn số 257/ DALN-FMCR ngày 04/3/2019 của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp về việc thành lập Ban quản lý dự án và cử cán bộ chủ chốt tại các tỉnh dự án FMCR.

Căn cứ Quyết định số 4119/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/2/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019; Quyết định số 5168/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình 1216/TTr-KHĐT ngày 23/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần: Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Ninh với nội dung như sau:

1. Tên dự án thành phần: Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Ninh.
2. Tên nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới (WB).
3. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Quảng Ninh.
4. Chủ dự án: Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh.

5. Địa điểm thực hiện: Thực hiện trên địa bàn của 45 xã/phường thuộc 07 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

(1) Thị xã Quảng Yên gồm các xã/phường: Tiền Phong; Liên Vị; Phong Cốc; Liên Hòa; Yên Hải; Phong Hải; Hà An; Nam Hòa; Hoàng Tân; Minh Thành.

(2) Huyện Hoành Bồ gồm các xã/phường: Thống Nhất; Lê Lợi.

(3) Huyện Vân Đồn gồm các xã/phường: Ngọc Vũng; Quan Lạn; Thắng Lợi; Bản Sen; Đoàn Kết; Vạn Yên; Bình Dân; Đài Xuyên.

(4) Huyện Tiên Yên gồm các xã: Đồng Rui; Tiên Lãng; Hải Lạng; Đông Hải; Đông Ngũ.

(5) Huyện Đàm Hà gồm các xã: Đại Bình; Tân Lập; Đàm Hà; Tân Bình.

(6) Huyện Hải Hà gồm các xã: Tiến Tới; Quảng Phong; Đường Hoa; Quảng Minh; Quảng Thắng; Quảng Thành.

(7) Thành phố Móng Cái gồm các xã/phường: Vĩnh Trung; Bình Ngọc; Vạn Ninh; Hải Xuân; Hải Hòa; Quảng Nghĩa; Hải Yên; Hải Tiến; Hải Đông; Trà Cổ.

6. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019 đến năm 2023.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay IDA từ Ngân hàng thế giới (WB) và vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh Quảng Ninh.

8. Mục tiêu Dự án:

8.1. Mục tiêu tổng thể: Cải thiện quản lý rừng ven biển và rừng ngập mặn tại các xã vùng Dự án nhằm tăng khả năng chống chịu trước bất lợi của các hiện tượng thời tiết và nước biển dâng.

8.2. Mục tiêu cụ thể: (i) Sử dụng các cách tiếp cận hiện đại để tăng cường công tác quy hoạch không gian rừng ven biển; (ii) Tổ chức quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên khu vực Dự án; (iii) Áp dụng các biện pháp lâm sinh trong việc trồng, chăm sóc và quản lý rừng hiệu quả để tăng khả năng chống chịu trước các hiện tượng thời tiết cực đoan và (iv) Tạo ra các cơ chế khuyến khích hộ gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp và chính quyền địa phương tham gia quản lý và bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên hiện có.

9. Nội dung và kết quả chính:

9.1. Nội dung Dự án: Dự án thành phần tại tỉnh Quảng Ninh gồm các hợp phần sau:

- Hợp phần 2: Phát triển và phục hồi rừng ven biển.
- Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển.
- Hợp phần 4: Quản lý, giám sát và đánh giá Dự án.

9.2. Kết quả chính: Dự án sẽ đạt được một số kết quả chính như sau:

- Trồng mới 1.804 ha và phục hồi, nâng cấp rừng chất lượng kém 3.636 ha rừng phòng hộ ven biển và rừng ngập mặn.

- Bảo vệ rừng (Đầu tư thiết lập các mô hình rừng bền vững có sự tham gia của cộng đồng): 18.994 ha. Trong đó, rừng ngập mặn ven biển 14.554 ha; rừng trên cạn ven biển: 4.440 ha;

- Rừng phòng hộ ven biển trên địa bàn các xã vùng dự án được đóng mốc ranh giới trên thực địa theo các chủ rừng được giao, đảm bảo ổn định lâm phận, ranh giới giữa rừng phòng hộ và các loại đất khác. Tổng số mốc được đóng là 13.500 mốc.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác trồng rừng mới và phục hồi rừng, cũng như bảo vệ rừng cụ thể: Xây dựng 01 km rào tre (kè mềm chắn sóng); Xây dựng bảng nội quy, tuyên truyền quản lý, bảo vệ rừng: 07 bảng; Nâng cấp và xây mới trạm bảo vệ rừng: 02 trạm; Nâng cấp đường lâm nghiệp: 12 km.

- Khoảng 100 cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp thông qua các cơ chế khuyến khích các hộ gia đình, cộng đồng tham gia bảo vệ, trồng và phục hồi rừng ven biển, rừng ngập mặn để tăng thu nhập và cải thiện sinh kế.

- Các khu vực đất công cộng thuộc địa bàn 45 xã vùng Dự án sẽ được hỗ trợ trồng cây phân tán thông qua đề xuất cạnh tranh từ các tổ chức đoàn thể trên địa bàn xã để trồng, chăm sóc và bảo vệ lâu dài.

- Cung cấp khoảng 45 gói đầu tư với giá trị ban đầu khoảng 10.000 USD/gói được xác định thông qua quá trình lựa chọn cạnh tranh nhằm tạo lợi ích bền vững cho cộng đồng ven biển từ kết hợp giữa bảo vệ rừng và phát triển sinh kế.

- Hỗ trợ 07 gói nâng cấp các cơ sở hạ tầng quan trọng phục vụ sản xuất, chế biến và tiếp thị hàng hóa, dịch vụ từ các khu rừng ven biển với giá trị không quá 600.000 USD/gói cho các xã thuộc 07 huyện, Thị xã, Thành phố vùng Dự án nhằm gia tăng lợi ích kinh tế và thiết lập liên kết các hoạt động tạo thu nhập của các nhóm cộng đồng tham gia bảo vệ rừng.

- Cung cấp khoảng 14 gói đầu tư công nghệ phục vụ phát triển sản xuất thông qua quá trình lựa chọn cạnh tranh nhằm tạo chuỗi giá trị sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát dịch bệnh cho các: hợp tác xã, liên kết hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, từ đó làm tăng thu nhập của người dân tham gia quản lý rừng bền vững với giá trị không quá 400.000 USD/gói.

- Tăng cường năng lực quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng, chính quyền địa phương, nhóm hộ, cộng đồng và các bên liên quan thông qua hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và các giải pháp về giám sát theo dõi rừng.

- Nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng địa phương và khuyến khích họ tham gia quản lý, bảo vệ bền vững rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn sau khi dự án kết thúc.

- Phát triển thể chế quản lý bền vững rừng ven biển, rừng ngập mặn, đảm bảo duy trì các thành quả sau khi kết thúc Dự án.

10. Tổng mức đầu tư Dự án

Tổng vốn đầu tư: 31.762.000 USD, tương đương 725.285 triệu VNĐ (tính theo tỷ giá NHNN công bố ngày 11/01/2019: 1USD = 22.835 VNĐ), trong đó:

10.1. Vốn vay IDA từ WB: 581.516 triệu đồng, trong đó:

- Trung ương cấp phát: 513.810 triệu đồng
- Tỉnh vay lại: 67.706 triệu đồng.

10.2. Vốn đối ứng: 143.769 triệu đồng, trong đó:

- Trung ương cấp phát: 49.894 triệu đồng;
- Vốn tỉnh: 93.875 triệu đồng.

Tổng mức đầu tư chi tiết cho các hợp phần sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chi phí chi tiết	Tổng cộng	Vốn IDA			Vốn đối ứng		
		Cộng	Cấp phát	Vay lại	Cộng	Trung ương	Tỉnh
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	725.285	581.516	513.810	67.706	143.769	49.894	93.875
I. Hợp phần 2	566.513	500.954	473.529	27.425	65.559	49.894	15.665
A. Tiểu hợp phần 2.1: Trồng và quản lý rừng phòng hộ ven biển mục tiêu	530.370	469.602	457.853	11.749	60.768	49.894	10.874
B. Tiểu hợp phần 2.2: Các giải pháp bảo vệ rừng trồng ven biển	36.143	31.352	15.676	15.676	4.791		4.791
II. Hợp phần 3	98.168	74.579	37.290	37.290	23.589		23.589
Cơ sở hạ tầng, công nghệ phục vụ sản xuất theo yêu cầu	98.168	74.579	37.290	37.290	23.589		23.589
III. Hợp phần 4	60.604	5.983	2.991	2.991	54.621		54.621
Giám sát và đánh giá	60.604	5.983	2.991	2.991	54.621		54.621

11. Cơ chế tài chính trong nước

(1) Vốn vay IDA từ WB: 25.466.000 USD, tương đương 581.516 triệu VNĐ.

- Trung ương cấp phát: 22.501.000 USD, tương đương 513.810 triệu VNĐ.
Bao gồm: Ngân sách Trung ương cấp phát 100% cho các nội dung chi thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương và 50% cho các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

- Tỉnh vay lại: 2.965.000 USD, tương đương 67.706 triệu VNĐ cho các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương (tỷ lệ vay lại 50%).

(2) Tổng vốn đối ứng: 6.296.000 USD, tương đương 143.769 triệu VNĐ.

- Nguồn vốn đối ứng do Trung ương cấp phát: 2.185.000 USD, tương đương 49.894 triệu VNĐ. Ngân sách Trung ương cấp phát cho các nội dung chi thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương

- Nguồn vốn đối ứng ngân sách Tỉnh: 4.111.000 USD, tương đương 93.875 triệu VNĐ cho các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

12. Hình thức quản lý Dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh là cơ quan Chủ quản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án, Ban quản lý dự án giúp Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo ủy quyền.

- Ban Chỉ đạo Dự án: Chủ đầu tư trình UBND tỉnh Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Dự án tỉnh để giúp UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động của Dự án trên địa bàn tỉnh.

- Ban Quản lý Dự án: Chủ đầu tư Quyết định thành lập Ban Quản lý Dự án tỉnh để triển khai thực hiện Dự án thành phần trên địa bàn tỉnh.

13. Tổ chức thực hiện

13.1. Kế hoạch Dự án:

Chủ dự án xây dựng kế hoạch tổng thể; kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng năm; kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các kế hoạch liên quan khác: Việc lập và trình duyệt kế hoạch thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành và Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

13.2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Triển khai thực hiện Dự án theo đúng các nội dung, kế hoạch hoạt động được phê duyệt. Thực hiện khảo sát, chụp ảnh hiện trường từng địa điểm thực hiện dự án trước và sau khi thực hiện dự án để kiểm tra, đánh giá hiệu quả dự án.

- Sử dụng các nguồn vốn đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo chất lượng và tiến độ Dự án. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng. Thực hiện Dự án theo kế hoạch vốn bố trí hàng năm, không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Đảm bảo việc thực hiện Dự án không chồng lấn lên các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phối hợp với BQL Dự án Hợp phần 1 thực hiện các hoạt động của Hợp phần 1 tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các Quy định hiện hành, Hiệp định vay vốn ODA Chính phủ ký với Nhà tài trợ.

Điều 2. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Bộ NN và PTNT, KHĐT (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Như Điều 2 (thực hiện);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-4, NLN1-3, TH4, QLDD, TM, XD;
- Lưu: VT, NLN3 (10b, QĐ 27).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Đặng Huy Hậu